TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **33**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 31/3/2023.
V/v: Tranh chấp "Ly hôn, nuôi con ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Đào Thị Giang
2. Bà Hoàng Thị Bảo Anh.
- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Sùng A Tình - Thư ký tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đình Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1141/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Mỹ P**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: 6/1 ấp Tt, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Lý, sinh năm: 1994.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã Đ, huyện K, tỉnh N.

Địa chỉ: Ấp 3, xã S, huyện T, tỉnh Đ.

(Bà P có đơn xin vắng mặt; ông L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Hàm,

huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cải vã không hòa hợp được. Bà và ông L đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông L để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 cháu là Trần Hải Y, sinh ngày 15/3/2015 và Trần Bảo K, sinh ngày 10/4/2020. Ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về nợ chung: Không có.

**** Tại bản tự khai, bị đơn ông Trần Văn L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Uỷ ban nhân dân xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do dịch Covid 19 ông làm ăn thua lỗ, chán nản nên dẫn đến việc ăn chơi, thiếu trách nhiệm và không quan tâm đến vợ con. Nay bà P xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, mong muốn gia đình hàn gắn để chăm sóc con cái.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Hải Y, sinh ngày 15/3/2015 và Trần Bảo K, sinh ngày 10/4/2020. Trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả 02 con và ông không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà P, ông L không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà P yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao cháu Trần Hải Y, sinh ngày 15/3/2015 và Trần Bảo K, sinh ngày 10/4/2020 cho bà Nguyễn Thị Mỹ P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Trần Văn L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P, ông L không yêu cầu gải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bà P xin ly hôn với ông L có địa chỉ cư trú tại: Ấp 3, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông L theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P, ông L kết hôn với nhau vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 31 ngày 16/4/2019 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà P trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cải vã không hòa hợp được. Bà và ông L đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông L; Ông L cũng thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do dịch Covid 19 ông làm ăn thua lỗ, chán nản nên dẫn đến việc ăn chơi, thiếu trách nhiệm và không quan tâm đến vợ con. Nay bà P xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, mong gia đình hàn gắn để chăm sóc con cái. Tuy nhiên, từ khi sống ly thân đến nay ông L vẫn không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bà P, ông L đến Tòa để hòa giải nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông L không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không mong muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với bà P. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của ông L, bà P tại nơi cư trú nhưng địa phương không nắm do hai bên không trình báo địa phương.

Xét thấy, bà P ông L đã sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay; mâu thuẫn giữa vợ chồng ông L, bà P là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, giải quyết cho bà P được ly hôn với ông L để trả tự do cả hai là phù hợp.

- Về con chung: Bà P và ông L đều yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Trần Hải Y, sinh ngày 15/3/2015 và Trần Bảo K, sinh ngày 10/4/2020. Tạm thời, bà P, ông L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi bà P, ông L sống ly thân thì các cháu ở cùng với bà P được bà P chăm sóc ổn định về mọi mặt; cháu Y có nguyện vọng được ở với bà P; Cháu K còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ để không ảnh hưởng đến tâm sinh lý, điều kiện phát triển mọi mặt của cháu. Do đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà P; giao cháu Hải Y và cháu Bảo K cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà P không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn, nuôi con" của bà Nguyễn Thị Mỹ P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ P được ly hôn với ông Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hải Y, sinh ngày 15/3/2015 và Trần Bảo K, sinh ngày 10/4/2020 cho bà Nguyễn Thị Mỹ P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Trần Văn L không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung nên ông Trần Văn L được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà có quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 0001972 ngày 08/11/2022.

5. Bà Nguyễn Thị Mỹ P và Trần Văn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKS H. Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự H. Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ;
- UBND xã Bàu Hàm , H. Trảng Bom.
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
THẨM
- Toà án tỉnh
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- UBND P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa
- Lưu VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh